

**CÔNG TY TNHH L' HOMME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH L' HOMME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: L' HOMME COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: L' HOMME CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109883748

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà N04, 67A Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0836887777

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>+ Đại lý bán hàng hóa<br>+ Môi giới mua bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641(Chính) |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...<br>- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; | 4649        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6311        |
| 8.  | Cổng thông tin<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6312        |
| 9.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6399        |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>+ Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                    | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>+ Môi giới bất động sản;<br>+ Tư vấn, quản lý bất động sản;<br>+ Sàn giao dịch bất động sản;                                                                                                                  | 6820 |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410 |
| 15. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                | 7420 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 17. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                            | 1391 |
| 18. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                             | 1392 |
| 19. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                           | 1393 |
| 20. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                  | 1394 |
| 21. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                             | 1399 |
| 22. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 23. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                   | 1420 |
| 24. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                               | 1430 |
| 25. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                      | 1511 |
| 26. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                     | 1512 |
| 27. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1520 |
| 28. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 29. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.                                                                                                                               | 4791 |
| 31. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                          | 7729 |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7911 |
| 33. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                              | 7912 |
| 34. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                | 7990 |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 36. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;<br>- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;<br>- Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; | 4773 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG XUÂN HẢI | Việt Nam  | Nhà N04, 67A Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.200.000.000         | 60,000    | 001091000578                                                                                            |         |
| 2   | CHU HOÀNG ANH  | Việt Nam  | Số 32 phố Hàng Cân, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | 800.000.000           | 40,000    | 012203290                                                                                               |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG XUÂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/07/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091000578

Ngày cấp: 29/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Nhà N04, 67A Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà N04, 67A Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội